

Số: 36/NQ-HĐND

Côn Đảo, ngày 18 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước,  
chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO  
KHÓA XII, KỲ HỌP THƯỜNG LỆ CUỐI NĂM 2023**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Xét Báo cáo số 537/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-BKTXH ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện, ý kiến thẩm tra về dự thảo Nghị quyết của hai Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024 của huyện Côn Đảo**

**1. Dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2024:** 575.630 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 548.138 triệu đồng, cụ thể:

- Số thu ngân sách Nhà nước theo số được Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán 2024 là 535.787 triệu đồng, điều tiết cho ngân sách huyện là 508.295 triệu đồng. Trong đó:

+ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện là 212.720 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện là: 185.228 triệu đồng.

+ Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh là: 323.067 triệu đồng.

- Kết dư ngân sách bố trí dự toán năm 2024 là: 39.843 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục 01, kèm theo Nghị quyết này)*

**2. Dự toán chi ngân sách địa phương (huyện):** 548.138 triệu đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 204.560 triệu đồng. Trong đó,
- + Vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện là 177.333 triệu đồng;
- + Vốn mua sắm, sửa chữa tài sản là 26.727 triệu đồng;
- + Vốn ủy thác qua Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Côn Đảo là 500 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 332.830 triệu đồng.
- Dự phòng: 10.748 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục 02, kèm theo Nghị quyết này)*

**Điều 2.** Thông qua Phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 *(kèm theo Báo cáo số 537/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thực hiện thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 và dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024).*

*(Chi tiết tại Phụ lục 03, kèm theo Nghị quyết này)*

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện:

- Căn cứ Nghị quyết này UBND huyện tiến hành giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024 cho các đơn vị để tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân huyện quyết định các nội dung theo thẩm quyền về tài chính - ngân sách và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện dự toán theo quy định.

- Tăng cường các biện pháp đôn đốc, kiểm tra chống thất thu, trốn thuế, nợ đọng thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời các sắc thuế nộp vào ngân sách theo quy định; tập trung chi đầu tư phát triển để làm cơ sở cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chi tiêu của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định nhằm phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Nghiên cứu tiếp thu các ý kiến của hai Ban Hội đồng nhân dân huyện tại các Báo cáo thẩm tra; các ý kiến thảo luận tại kỳ họp để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng các quy định của pháp luật. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện và báo cáo trình Hội đồng nhân dân huyện tại các kỳ họp theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**







## NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH HUYỆN CÔN ĐẢO NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	UBND tỉnh giao				HĐND huyện giao	
		Thu NSNN	Trong đó:			Thu NSNN	Thu điều tiết NS huyện
			Cục thuế trực tiếp thu	Huyện trực tiếp thu	Thu điều tiết NS huyện		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>535.787</b>	<b>24.400</b>	<b>511.337</b>	<b>508.295</b>	<b>575.630</b>	<b>548.138</b>
<b>A</b>	<b>THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>212.720</b>	<b>24.400</b>	<b>188.270</b>	<b>185.228</b>	<b>212.720</b>	<b>185.228</b>
1	Số thu NQD từ các DN cổ phần hóa trong thời kỳ 2011 -2015						
2	<b>Doanh nghiệp Trung ương</b>	<b>200</b>		<b>200</b>	<b>104</b>	<b>200</b>	<b>104</b>
2.1	Thuế giá trị gia tăng	100	-	100	52	100	52
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	-	100	52	100	52
2.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
2.4	Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
3	<b>Doanh nghiệp địa phương</b>	<b>12.100</b>		<b>12.100</b>	<b>6.724</b>	<b>12.100</b>	<b>6.724</b>
3.1	Thuế giá trị gia tăng	7.000	-	7.000	3.640	7.000	3.640
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.200	-	4.200	2.184	4.200	2.184
3.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
3.4	Thuế tài nguyên	900	-	900	900	900	900
4	<b>Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài</b>	<b>7.450</b>	<b>7.400</b>		<b>3.874</b>	<b>7.450</b>	<b>3.874</b>
4.1	Thuế giá trị gia tăng	4.930	4.900	30	2.564	4.930	2.564
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.320	2.300	20	1.206	2.320	1.206
4.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	200	200	-	104	200	104
4.4	Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
5	<b>Thu ngoài quốc doanh</b>	<b>29.600</b>	<b>17.000</b>	<b>12.600</b>	<b>15.392</b>	<b>29.600</b>	<b>15.392</b>
5.1	Thuế giá trị gia tăng	27.800	16.900	10.900	14.456	27.800	14.456
5.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.500	100	1.400	780	1.500	780
5.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	300	-	300	156	300	156
5.4	Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
6	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>3.000</b>		<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>
7	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>7.300</b>		<b>7.300</b>	<b>3.364</b>	<b>7.300</b>	<b>3.364</b>
	- Trong đó: thu nhập từ tiền lương	<b>830</b>		<b>830</b>	-	<b>830</b>	-
8	<b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>	-				-	-
9	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	-				-	-
10	<b>Tiền thuê đất</b>	<b>110.000</b>		<b>110.000</b>	<b>110.000</b>	<b>110.000</b>	<b>110.000</b>
11	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>850</b>		<b>850</b>	<b>850</b>	<b>850</b>	<b>850</b>
12	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>40.000</b>		<b>40.000</b>	<b>40.000</b>	<b>40.000</b>	<b>40.000</b>
13	<b>Thuế BVMT</b>	-			-	-	-
14	<b>Thu khác ngân sách</b>	<b>2.220</b>		<b>2.220</b>	<b>1.920</b>	<b>2.220</b>	<b>1.920</b>
<b>B</b>	<b>THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN</b>	<b>323.067</b>		<b>323.067</b>	<b>323.067</b>	<b>323.067</b>	<b>323.067</b>
1	Bổ sung cân đối	298.527		298.527	298.527	298.527	298.527
2	Bổ sung có mục tiêu	24.540		24.540	24.540	24.540	24.540
<b>C</b>	<b>Thu kết dư</b>					<b>39.843</b>	<b>39.843</b>





Phụ lục số 02

**NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN CÔN ĐẢO  
NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 36 /NQ-HĐND ngày 18 /12/2023 của HĐND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao	GHI CHÚ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>508.295</b>	<b>548.138</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>168.270</b>	<b>204.560</b>	
1	Chi XDCB	155.190	177.333	
2	Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản	13.080	26.727	
3	Ủy thác vốn qua PGD NHCSXH		500	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>330.057</b>	<b>332.829</b>	
1	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường		85.072	
	Trong đó:			
	- Sự nghiệp môi trường	6.052	27.016	
2	Sự nghiệp kinh tế khác		6.478	
3	Sự nghiệp VH-TT, TDTT, PTTT		12.492	
4	Chi sự nghiệp giáo dục	59.338	66.836	
5	Chi đào tạo	447	2.000	
6	Chi quản lý hành chính		69.710	
	Trong đó:			
	- Chi QLNN		39.962	
	+ Trong đó chi ứng dụng KHCN	113	113	
	- Chi Đảng, Đoàn thể, hội đặc thù		29.471	
7	Chi đảm bảo xã hội		11.298	
8	Chi an ninh - quốc phòng		11.390	
9	Chi khác		8.160	
10	Chi thi đua, khen thưởng		1.342	
11	Chi thực hiện nguồn cải cách tiền lương	2.669	58.052	
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>9.968</b>	<b>10.748</b>	



Biểu số 03

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH HUYỆN CÔN ĐẢO NĂM 2024**

Kế hoạch theo Nghị quyết số 36 /NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Biên chế	Tổng cộng	Kinh phí hoạt động		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (đối với chi QLHC); chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp)	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ (đối với chi QLHC); chi không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp)
				Trong định mức	Ngoài định mức (cân đối từ nguồn chi dân số thấp; cân đối giữa các nhiệm vụ chi; nguồn kết dư)		
1	2	3	4=7+8	5	6	7	8
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>548.137.461.000</b>	<b>300.942.000.000</b>	<b>247.195.461.000</b>	<b>120.817.675.000</b>	<b>427.319.786.000</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>		<b>204.560.000.000</b>	<b>116.421.000.000</b>	<b>88.139.000.000</b>		<b>204.560.000.000</b>
1	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN		177.333.000.000	102.300.000.000	75.033.000.000		177.333.000.000
2	CHI MUA SẴM, SCTS		26.727.000.000	14.121.000.000	12.606.000.000		26.727.000.000
3	ỦY THÁC VỐN QUA PGD NHCSXH		500.000.000		500.000.000		500.000.000
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	127	<b>332.829.461.000</b>	<b>177.652.000.000</b>	<b>155.177.461.000</b>	<b>120.817.675.000</b>	<b>212.011.786.000</b>
1	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HỘI ĐẶC THÙ	127	69.709.528.000	56.834.000.000	12.875.528.000	42.243.130.000	27.466.398.000
2	SỰ NGHIỆP KHÁC		6.478.334.000		6.478.334.000	5.310.089.000	1.168.245.000
3	SỰ NGHIỆP VH-TT; TDTT; PTTT		12.491.764.000	7.804.000.000	4.687.764.000	8.863.185.000	3.628.579.000
4	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC		66.835.585.000	57.959.000.000	8.876.585.000	64.401.271.000	2.434.314.000
5	CHI ĐÀO TẠO		2.000.233.000	447.000.000	1.553.233.000		2.000.233.000
6	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI		11.298.000.000	11.298.000.000			11.298.000.000
7	CHI AN NINH - QUỐC PHÒNG		11.390.000.000	11.390.000.000			11.390.000.000
8	THI ĐUA KHEN THƯỞNG		1.342.000.000	1.342.000.000			1.342.000.000





STT	Tên đơn vị	Biên chế	Tổng cộng	Kinh phí hoạt động		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (đối với chi QLHC); chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp)	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ (đối với chi QLHC); chi không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp)
				Trong định mức	Ngoài định mức (cân đối từ nguồn chi dân số thấp; cân đối giữa các nhiệm vụ chi; nguồn kết dư)		
9	CHI KHÁC		8.160.000.000	1.771.000.000	6.389.000.000	8.160.000.000	
10	CHI THỰC HIỆN NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (còn lại)		58.052.017.000		58.052.017.000	58.052.017.000	
11	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG		85.072.000.000	28.807.000.000	56.265.000.000	85.072.000.000	
III	DỰ PHÒNG		10.748.000.000	6.869.000.000	3.879.000.000	10.748.000.000	

*Ghi chú:*

- Kinh phí trong định mức: Phụ cấp khu dân cư, các đoàn thể khu dân cư, kinh phí hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể và đơn vị sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp VH-TT, TDTT, PTTT, chi đảm bảo xã hội, ANQP, chi SNKT, chi khác, chi nhiệm vụ đặc thù theo định mức được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh điều chỉnh một số định mức chi; Chi thanh toán cá nhân gồm quỹ lương, các khoản đóng góp; lương tính theo mức 1.800.000 đồng (hệ số lương tại thời điểm lập dự toán, tháng 11/2023); chi hỗ trợ theo Nghị quyết 16/2020/NQ-HĐND tỉnh

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương cân đối, phân bổ từ tổng thể ngân sách huyện đảm bảo mức theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao.

- Trên cơ sở dự toán giao, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn thực hiện để lập dự toán chi thường xuyên theo nhóm, mục, tiểu mục (Thông tư 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính và Công văn số 7080/BTC-KBNN ngày 30/5/2017 của Bộ Tài chính).